



Định Danh Sản Phẩm: SS21 Magenta

An Toàn: 037-S087242

Ngày thiết lập: 2022/03/10

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Định Danh Sản Phẩm: SS21 Magenta

Mô Tả Sản Phẩm: SPC-0501M-2 / SPC-0588M-2 / SS21-M-60-2

Ink Ver.: 2

Công dụng của sản phẩm

Mực màu cho máy in phun mực

Các Giới Hạn Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin về nhà sản xuất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano

389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Cảnh báo nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy Loại 4

Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt Loại 1

Độc tính sinh sản Loại 2

Nhãn yếu tố GHS



Chữ tín hiệu

Nguy hiểm

Xác nhận nguy hiểm

H227 Chất lỏng dễ cháy

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh

Thông tin phòng ngừa

Phòng chống

P201 Đọc kỹ các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P210 Để tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P280 Sử dụng găng tay, quần áo, dụng cụ bảo vệ mắt và mặt.

Phản ứng

P305+P351+P338 NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ bằng nước trong vài phút. Nếu đang đeo kính áp tròng, gỡ bỏ kính để dễ dàng rửa mắt. Tiếp tục rửa mắt.

P308+P313 NẾU bị phơi nhiễm hoặc lo lắng: Tham khảo ý kiến/đi khám bác sĩ.

P310 Hãy gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ/thầy thuốc/sơ cứu viên

P370+P378 Trong trường hợp xảy ra cháy: Sử dụng vòi phun nước cao áp để dập tắt.

Lưu trữ

P403 Lưu trữ ở nơi thoáng khí.

P405 Khóa kho cẩn thận.

Thải bỏ

P501 Vứt bỏ các nội dung / container để đến điểm thu gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt có thẩm quyền theo bất kỳ quy định địa phương

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất

Xem phần dưới đây để biết thành phần của hỗn hợp

Số CAS	Tên thành phần nguy hiểm	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Bí mật thương mại	Dung môi ete glycol	65-75
108-65-6	Propyleneglycol monomethylether axetat	10-20
Bí mật thương mại	Dòng dung môi lacton	5-15
Bí mật thương mại	Thuốc màu	1-5
Bí mật thương mại	Nhựa vinyl	1-5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Nếu mắt bị nhiễm hoá chất:

Lập tức để mắt ở tư thế mở và rửa mắt liên tục ở một vòi nước sạch đang chảy ít nhất 15 phút.

Bảo đảm rửa mắt bằng cách giữ hai mí mắt xa nhau và xa con mắt còn lại; nhấc mí mắt trên và dưới lên vài lần để di chuyển mắt.

Chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện hay cơ sở y tế gần nhất.

Nếu muốn lấy miếng sát trùng ra sau khi một bên mắt đã bị thương, cần phải được người có chuyên môn thực hiện.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Nếu sản phẩm đi đến tiếp xúc với da:

Rửa những khu vực bị ảnh hưởng cẩn thận bằng nước (và xà phòng nếu có sẵn).

Tìm đến chăm sóc y tế trong trường hợp kích ứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

(hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hơi hay các sản phẩm đốt cháy được hít vào: Loại bỏ ra không khí trong lành.

Các biện pháp khác thường không cần thiết.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Súc miệng với nhiều nước.

Nếu sự kích ứng hay khó chịu tiếp tục, tìm đến chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị

Điều trị triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các chất dập cháy thích hợp

Bột. Hóa chất dạng bột khô. BCF (khi các qui định cho phép). Cacbon dioxít. Xịt nước hay sương- chỉ dùng cho ngọn lửa lớn.

Hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Báo cho Đội Phòng Cháy Chữa Cháy biết địa điểm và tình trạng hỏa hoạn.

Mặc đồ bảo hộ toàn bộ cơ thể và đeo mặt nạ chống khí độc vào.

Bằng tất cả các phương tiện sẵn có, ngăn không cho hóa chất tiếp xúc với nguồn nước hoặc ống dẫn nước.

Dùng nước khổng chế ngọn lửa và làm mát tại chỗ. Tránh xịt nước vào các vũng hóa chất .

Không tiếp xúc với những bao nghi ngờ còn nóng.

Ở một cự ly an toàn, dùng nước làm mát những bao đã bị lửa bén tới.

Xếp loại về tính cháy

Dễ cháy.

Cháy nhẹ khi tiếp xúc với hơi nóng hoặc khí đốt. Hơi nóng có thể gây giãn nở hoặc phân hủy làm rách bao.

Khi bén lửa rồi có thể phát ra khói độc, khói cay. Khói bốc lên gặp chất gây cháy có thể gây nổ.

Có thể phát ra các hơi độc .

Có thể thải khói có tính ăn mòn.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Xem phần 8.

Biện pháp phòng ngừa môi trường

Xem phần 12.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Di chuyển ngay tất cả các nguồn phát lửa.

Khẩn trương làm sạch toàn bộ chỗ hoá chất bị tràn.

Tránh hít khí độc và không cho tiếp xúc với da và mắt.

Hạn chế tiếp xúc bằng cách sử dụng các trang thiết bị bảo hộ.

Phủ và hút chỗ hóa chất đã bị đổ bằng cát, đất, chất trơ hoặc chất khoáng.

Lau sạch.

Bỏ vào một cái bao có dán nhãn phù hợp rồi cho vào máy nghiền rác.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Khá nguy hiểm.

Làm trống khu vực nhân viên và di chuyển theo chiều gió.

Báo cho Đội Phòng Cháy Chữa Cháy biết địa điểm và tình trạng hỏa hoạn.

Đeo mặt nạ chống khí độc và găng tay bảo vệ vào.

Bằng tất cả các phương tiện sẵn có, ngăn không cho hóa chất tiếp xúc với nguồn nước hoặc ống dẫn nước.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Không hút thuốc, tránh lọt sáng và tránh xa nguồn lửa.
Tăng cường độ thoáng.
Nếu thấy an toàn, ngăn chặn không cho rò rỉ nữa.
Phủ chỗ hóa chất đã bị đổ bằng cát, đất, hoặc chất khoáng.
Thu dọn chỗ hóa chất có thể thu hồi được đựng vào bao có dán nhãn để tái chế.
Hút những hoá chất còn lại bằng cát, đất hoặc chất khoáng.
Thu dọn những hoá chất ở dạng rắn còn lại và gói kín để vào thùng để xử lý.
Rửa sạch khu vực này và ngăn không cho hoá chất chảy vào cống thoát nước.
Nếu các cống thoát nước hoặc các ống dẫn nước bị nhiễm hoá chất, gọi ngay cho những dịch vụ khẩn cấp để kịp thời xử lý.

Tư vấn thiết bị bảo vệ cá nhân được chứa trong mục 8 của SDS.

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc dưới mọi hình thức, kể cả hít trực tiếp .
Mặc trang phục bảo hộ lao động khi thấy có nguy cơ tiếp xúc.
Chỉ sử dụng ở khu vực thông thoáng.
Tránh để ở chỗ trống hay hàm chứa .
Không bước vào khu vực giới hạn cho tới khi nhiệt độ không khí ở khu vực đó đã được kiểm tra xong.
Tránh khói, ánh sáng hoặc nguồn lửa.
Tránh tiếp xúc với những chất liệu dễ bén lửa.
Không ăn, uống hay hút thuốc khi làm việc.
Không xé các nhãn bảo vệ bao khi chưa dùng đến.
Tránh lôi kéo mạnh tay làm rách bao.
Luôn rửa tay với xà bông và nước sau khi làm việc.
Giặt riêng quần áo mặc khi làm việc.
Thực hiện nguyên tắc an toàn lao động .
Tuân thủ các hướng dẫn về bảo quản và vận chuyển của nhà sản xuất.
Nhiệt độ không khí phải được kiểm tra thường xuyên theo đúng tiêu chuẩn cho phép để bảo đảm an toàn lao động.
KHÔNG để quần áo bị ướt với vật liệu tiếp xúc với da

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Lưu trữ trong các thùng chứa gốc.
Giữ các thùng chứa niêm phong an toàn.
Không hút thuốc, môi lửa hay các nguồn gây hỏa.
Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, mát và thông thoáng.
Lưu trữ xa khỏi các vật liệu đối kỵ và các thùng chứa thực phẩm.
Bảo vệ các thùng chứa khỏi các hư hỏng vật lý và kiểm tra rò rỉ thường xuyên.
Tuân theo các hướng dẫn xử lý và lưu trữ của nhà sản xuất.

THÙNG CHỨA PHÙ HỢP: Kiểm tra tất cả các thùng chứa đã được dán nhãn rõ ràng và không bị rò rỉ.

KHÔNG THÍCH HỢP BẢO QUẢN: Chưa thống kê được gì.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát các thông số

Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)

Dữ liệu về thành phần

Chưa có thông tin.

Trường hợp khẩn cấp giới hạn

Thành phần	TEEL-1	TEEL-2	TEEL-3
Nhựa vinyl	120 mg/m ³	1,300 mg/m ³	7,900 mg/m ³
Dòng dung môi lacton	3.6 mg/m ³	39 mg/m ³	310 mg/m ³
Propyleneglycol monomethylether axetat	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

Thành phần	IDLH ban đầu	IDLH sửa đổi
Thuốc màu	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Nhựa vinyl	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Dung môi ete glycol	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Dòng dung môi lacton	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Propyleneglycol monomethylether axetat	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

Dải Tiếp Xúc Nghề nghiệp

Thành phần	Tiếp Xúc Nghề nghiệp Đánh giá ban nhạc	Tiếp Xúc Nghề nghiệp nhạc Giới hạn
Dung môi ete glycol	E	≤ 0.1 ppm
Dòng dung môi lacton	E	≤ 0.1 ppm
Propyleneglycol monomethylether axetat	E	≤ 0.1 ppm

những ghi chú: Nghề nghiệp dải tiếp xúc là một quá trình phân hóa thành các loại cụ thể hoặc ban nhạc dựa trên tiềm năng của một hóa chất và những kết quả bất lợi về sức khỏe liên quan đến tiếp xúc. Kết quả của quá trình này là một ban nhạc Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEB), tương ứng với một loạt các nồng độ tiếp xúc được dự kiến để bảo vệ sức khỏe người lao động

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Sự thoát khí chung phù hợp trong những điều kiện vận hành bình thường. Nếu rủi ro tiếp xúc quá mức xuất hiện, cần mang máy hô hấp được chứng nhận SAA. Sự vừa vặn chính xác là quan trọng để có được sự bảo vệ thích hợp. Cần cung cấp sự thông thoáng đầy đủ trong nhà kho hay các khu vực lưu trữ kín.

Các Biện Pháp Bảo Vệ Cá Nhân, như Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo vệ mắt và khuôn mặt

Kính an toàn với che chắn hai bên.

Kính bảo hộ hóa chất.

Kính tiếp xúc gây ra một nguy cơ đặc biệt; kính mềm có thể hấp thụ các chất kích ứng và tất cả các kính đều tập trung chúng. KHÔNG mang kính tiếp xúc

Bảo vệ tay / chân

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Mang găng bảo hộ hóa chất, như PVC.

Mang một đôi giày an toàn hay ủng cao su an toàn, như cao su

Bảo vệ thân thể

Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Đeo tạp dề.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến một chuyên viên y tế và an toàn cho mặt nạ cụ thể thích hợp cho việc sử dụng của bạn

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản

Sự thể hiện: Chất lỏng màu lục lam

Trạng thái vật lý	chất lỏng	Tỉ trọng tương đối (Nước =1)	0.971
Mùi đặc trưng	Mảnh dễ	Hệ phân số n-octanol / nước	Chưa có thông tin
Mùi ngưỡng	Chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C)	169
Độ PH	Chưa có thông tin	nhiet độ phân hủy	Chưa có thông tin
Điểm nóng chảy (°C)	Chưa có thông tin	Độ nhớt (cSt)	Chưa có thông tin
Điểm sôi (°C)	147-204	Trọng lượng phân tử (g/mol)	Chưa có thông tin
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	64.2	Hương vị	Chưa có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi	Chưa có thông tin BuAC = 1	Đặc tính nổ	Chưa có thông tin
Tính dễ cháy	Có thể cháy nổ.	Đặc tính Oxy hóa	Chưa có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)	33	Sức căng bề mặt (dyn/cm or mN/m)	Chưa có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)	1.5	Thành phần bay hơi (% khối lượng)	Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (kPa) ở nhiệt đ ộ, áp suất tiêu chuẩn	2.67	Nhóm Gas	Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước	không thể trộn lộn	pH của dung dịch (%)	Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở n hiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Chưa có thông tin	VOC g/L	Chưa có thông tin

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định

Xem mục 7

Hóa chất ổn định

Xuất hiện các chất không phù hợp.

Sản phẩm được xem là ổn định.

Sự trùng hợp hóa học nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Khả năng phản ứng

Xem mục 7

Điều kiện để tránh

Xem mục 7

Các vật liệu không tương thích

Xem mục 7

Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Xem phần 5

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc tính

Thành phần	Độc tính	Ngừa
Sản phẩm	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Thuốc màu	Da (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg[1] Oral(Rat) LD50; >2000 mg/kg[1]	Chưa có thông tin
Nhựa vinyl	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Dung môi ete glycol	Da (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg[1] Hít(Rat) LC50; >5.14 mg/l4h[1] Oral(Rat) LD50; >2000 mg/kg[1]	Da: không có ảnh hưởng xấu đến quan sát (không phải khó chịu)[1] Mắt: không có ảnh hưởng xấu đến quan sát (không phải khó chịu)[1]
Dòng dung môi lacton	da (lợn ghinê) LD50: >5000 mg/kg[2] Hít(Rat) LC50; >2.68 mg/l4h[2] Oral(Rat) LD50; 1540 mg/kg[2]	Da: không có ảnh hưởng xấu đến quan sát (không phải khó chịu)[1] Mắt: ảnh hưởng xấu đến quan sát (khó chịu)[1]
Propyleneglycol monomethylether axetat	Da (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg[1] Oral(Rat) LD50; 3739 mg/kg[2]	Da: không có ảnh hưởng xấu đến quan sát (không phải khó chịu)[1] Mắt: không có ảnh hưởng xấu đến quan sát (không phải khó chịu)[1]

Ghi chú: 1 Giá trị thu được từ chất châu Âu ECHA viên -. Độc tính cấp tính 2 giá trị thu được từ SDS của nhà sản xuất trừ khi dữ liệu được quy định khác chiết xuất từ RTECS - Đăng ký của hiệu ứng t độc hại của các chất hóa học.

Độ độc cấp tính

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

Kích ứng da / ăn mòn

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

Thiệt hại mắt nghiêm trọng / kích thích

Dữ liệu cần thiết để thực hiện phân loại có sẵn

Hô hấp hoặc da nhạy cảm

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

Tính gây biến dị

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

Tính gây ung thư

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

Sinh sản

Dữ liệu cần thiết để thực hiện phân loại có sẵn

STOT - duy nhất tiếp xúc

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

STOT tiếp xúc lặp đi lặp lại

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Nguy hại khi hít

Dữ liệu hoặc không có sẵn hoặc không điền vào các tiêu chí để phân loại

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính với sinh vật

Thành phần	Loại ngưỡng	Chu kỳ ảnh hưởng (giờ)	Loại sinh vật	Kết quả	nguồn
Sản phẩm	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	-
Thuốc màu	NOEC(ECx)	504h	Giáp xác	>0.02mg/l	2
	LC50	96h	cá	>100mg/l	2
	EC50	72h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	>10mg/l	2
	EC50	48h	Giáp xác	>100mg/l	2
Nhựa vinyl	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	-
Dung môi ete glycol	EC50(ECx)	72h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	>89.5mg/l	2
	LC50	96h	cá	>90.8mg/l	2
	EC50	72h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	>89.5mg/l	2
	EC50	48h	Giáp xác	>93.6mg/l	2
Dòng dung môi lacton	NOEC(ECx)	24h	cá	5mg/l	1
	LC50	96h	cá	56mg/l	2
	EC50	72h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	360mg/l	1
	EC50	48h	Giáp xác	>500mg/l	1
	EC50	96h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	79mg/l	1
Propyleneglycol monomethylether axetat	NOEC(ECx)	336h	cá	47.5mg/l	2
	LC50	96h	cá	>100mg/l	2
	EC50	72h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	>1000mg/l	2
	EC50	48h	Giáp xác	373mg/l	2
	EC50	96h	Tảo hoặc thực vật thủy sinh khác	>1000mg/l	2

Ghi chú: Được trích xuất từ 1. Dữ liệu độc tính IUCLID 2. Đăng kí hóa chất ECHA Châu Âu – Thông tin độc hại sinh thái – Độc thủy sản 3. EPIWIN Suite V3.12 (QSAR) – Dữ liệu độc thủy tính (ước tính) 4.US EPA, Cơ sở dữ liệu Ecotox – Đánh giá dữ liệu độc thủy tính 5. ECETOC Dữ liệu đánh giá nguy hiểm thủy tính 6. NITE (Nhật Bản) – Dữ liệu Bioconcentration 7. METI (Nhật Bản) – Dữ liệu Bioconcentration 8. Dữ liệu bán hàng

Tính bền và phân hủy

Thành phần	Bền: Nước / Đất	Bền: Không khí
Dung môi ete glycol	DƯỚI	DƯỚI
Dòng dung môi lacton	DƯỚI	DƯỚI
Propyleneglycol monomethylether axetat	DƯỚI	DƯỚI

Tiềm năng tích lũy sinh học

Thành phần	Tích lũy sinh học
Dung môi ete glycol	DƯỚI (LogKOW = 0.0093)
Dòng dung môi lacton	DƯỚI (BCF = 1.8)
Propyleneglycol monomethylether axetat	DƯỚI (LogKOW = 0.56)

Tính di động trong đất

Thành phần	Di động
Dung môi ete glycol	DƯỚI (KOC = 10)



Định Danh Sản Phẩm: SS21 Magenta

An Toàn: 037-S087242

Ngày thiết lập: 2022/03/10

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Dòng dung môi lacton	DƯỠI (KOC = 7.134)
Propyleneglycol monomethylether axetat	CAO (KOC = 1.838)

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Phương pháp xử lý chất thải

Cách xử lý Sản phẩm / Bao bì

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

KHÔNG để cho nước từ thiết bị làm sạch chảy vào cống. Thu lại tất cả nước rửa để xử lý trước khi thải ra.

14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Những nhãn được yêu cầu

Ô nhiễm môi trường nước

không

Vận chuyển đường bộ (UN)

Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm

Thông tin về ICAO-IATA / DGR

Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm

Thông tin về IMDG Code / GGVSee

Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL và mã IBC

Không phù hợp

15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Ngày tháng biên soạn Phiếu

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Thuốc màu được tìm thấy trên các danh sách qui định sau

Hóa chất Quốc gia Việt Nam tồn kho (dự thảo)

Nhựa vinyl được tìm thấy trên các danh sách qui định sau

Hóa chất Quốc gia Việt Nam tồn kho (dự thảo)

Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC) - Đại lý Phân loại theo các chuyên khảo IARC

Dung môi ete glycol được tìm thấy trên các danh sách qui định sau

Hóa chất Quốc gia Việt Nam tồn kho (dự thảo)

Dòng dung môi lacton được tìm thấy trên các danh sách qui định sau

Hóa chất Quốc gia Việt Nam tồn kho (dự thảo)

Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC) - Đại lý Phân loại theo các chuyên khảo IARC

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Propyleneglycol monomethylether axetat được tìm thấy trên các danh sách qui định sau

Hóa chất Quốc gia Việt Nam tồn kho (dự thảo)

Tình trạng hàng tồn kho Quốc

Tóm tắt quốc gia	Tình trạng
Úc - AIIC / Úc Phi Công Nghiệp Dừng	Y
Canada - DSL	N
Canada - NDSL	Y
China - IECSC	Y
Europe - EINEC / ELINCS / NLP	Y
Japan - ENCS	Y
Korea - KECI	Y
New Zealand - NZIoC	N
Philippines - PICCS	N
USA - TSCA	Y
Đài Loan - TCSI	Y
Việt Nam - NCI	N

Ghi chú:

Y (Vâng) = Tất CAS cả các thành phần có trong khoảng không quảng cáo

N (Không) = Một hoặc nhiều thành phần được liệt kê CAS không có trong kho. Các thành phần này có thể được miễn hoặc sẽ yêu cầu đăng ký.

* * *Mục 16 - THÔNG TIN KHÁC* * *

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN (EINECS) - Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hữu của châu Âu; ELN (ELINCS) - Danh Mục Hóa Chất Đa~ Được Thông Báo của Châu Âu; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; Mã IBC - Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; LC50 - Nồng Độ Tư Vong, 50%; LD50 - Liều Tử Vong, 50%; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LOLI - Danh mục của các danh mục™ - Cơ sở dữ liệu các quy định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; NTP = Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cá'p Phe'p và' Han Chê' Hóa Chất; RID - Vận Chuyển Đường Sắt Châu Âu; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên

Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hmay lá đầy đủ và chỉ nên xem như lá một hương dân. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin lá chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.

Kết thúc Bản Thông Tin 037-S087242